

Số: 02 /2024/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 27 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và mức hỗ trợ, bồi dưỡng cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 14 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy;



Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở;

Xét Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-HĐND-PC ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và mức hỗ trợ, bồi dưỡng cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này bãi bỏ các quy định liên quan đến Công an viên thường trực ở xã, Công an viên ở thôn, áp tại khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước; thay thế Nghị quyết số 17/2008/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ, chính sách và trang bị phương tiện cho Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước; thay thế Nghị quyết số 25/2012/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ đối với lực lượng



Công an xã khi làm nhiệm vụ thường trực trên địa bàn tỉnh Bình Phước; thay thế Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 14 (chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 8 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an, Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh (VP UBND tỉnh);
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *Phan*



Huỳnh Thị Hằng





QUY ĐỊNH

Tiêu chí thành lập, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và mức hỗ trợ, bồi dưỡng cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Nghị quyết số 2/2024/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và mức hỗ trợ, bồi dưỡng cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước (trước đây là Công an xã bán chuyên trách gồm Công an viên thường trực ở xã và Công an viên ở thôn, ấp; Bảo vệ dân phố; Đội trưởng và Đội phó Đội dân phòng).

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và số lượng thành viên tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Tại mỗi thôn, tổ dân phố thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; mỗi tổ gồm Tổ trưởng, Tổ phó và các Tổ viên.

2. Tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

a) Mỗi thôn thuộc địa bàn các xã bố trí từ 03 đến 04 thành viên; đối với thôn có trên 3.000 nhân khẩu thì bố trí đến 05 thành viên.

b) Mỗi tổ dân phố thuộc địa bàn các phường, thị trấn bố trí từ 05 đến 08 thành viên; đối với tổ dân phố có dưới 3.000 nhân khẩu bố trí từ 05 đến 07 thành viên; các tổ dân phố có trên 3.000 nhân khẩu thì bố trí đến 08 thành viên.

Điều 4. Mức hỗ trợ, bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

a) Tổ trưởng: Hỗ trợ bằng 1.0 mức lương tối thiểu vùng/người/tháng;

b) Tổ phó: Hỗ trợ bằng 0,8 mức lương tối thiểu vùng/người/tháng;

c) Tổ viên: Hỗ trợ bằng 0,6 mức lương tối thiểu vùng/người/tháng.

2. Mức hỗ trợ bồi dưỡng

a) Bồi dưỡng 100.000 đồng/người/đêm khi có quyết định triệu tập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự và tuần tra ban đêm theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau (trừ các ngày lễ, tết).

b) Bồi dưỡng 150.000 đồng/người/đêm, làm nhiệm vụ từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật về lao động.

c) Mức hỗ trợ kinh phí chi cho hoạt động thường xuyên hằng năm của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: 1.000.000 đồng/tổ/năm.

Điều 5. Mức hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện và bảo hiểm y tế đối với người tham gia lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Bảo hiểm xã hội tự nguyện: Được ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm 50% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Mức hỗ trợ này ngoài mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 10 và điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện.

2. Bảo hiểm y tế: Được hỗ trợ 100% bảo hiểm y tế theo đối tượng tham gia bảo hiểm y tế hộ gia đình.

Điều 6. Mức hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh, trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội khi thực hiện nhiệm vụ

1. Mức hỗ trợ thanh toán 70% chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế bị ốm đau, tai nạn, chết, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ.

2. Mức hỗ trợ tiền ăn hàng ngày, kể cả trường hợp vết thương tái phát cho đến khi ổn định sức khỏe ra viện được hưởng 3% mức lương tối thiểu chung/người bệnh/ngày được quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 14/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc khám chữa bệnh cho người nghèo.

3. Mức trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí đối với thân nhân người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị chết khi thực hiện nhiệm vụ.

a) Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết khi thực hiện nhiệm vụ được trợ cấp mai táng bằng 18.000.000 đồng.

b) Đối với thân nhân người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị chết khi thực hiện nhiệm vụ được trợ cấp tiền tuất một lần được tính theo số năm tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, cứ mỗi năm tính bằng 1,5 lần mức hỗ trợ hàng tháng được hưởng.

Điều 7. Mức chi theo khoản 1 Điều 26 của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở

1. Nội dung chi bao gồm

a) Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị; công tác tập huấn, diễn tập, hội thi do địa phương tổ chức; bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

b) Trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

c) Sơ kết, tổng kết, tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở do địa phương tổ chức.

d) Các khoản chi phí khác cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

2. Mức chi: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khi phân bổ giao dự toán kinh phí.

Điều 8. Mức hỗ trợ thôi việc đối với người không tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Đối với người (trước đây là Công an viên thường trực ở xã và Công an viên ở thôn, ấp; Bảo vệ dân phố; Đội trưởng và Đội phó Đội dân phòng) không có nguyện vọng tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi kiện toàn thống nhất thì thực hiện chế độ thôi việc theo quy định sau:

a) Người không tiếp tục tham gia vào lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở có thời gian công tác từ đủ 12 tháng đến dưới 05 năm không tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho thôi việc thì được hỗ trợ một lần. Mỗi năm công tác được hỗ trợ bằng 0,5 mức lương tối thiểu vùng.

b) Người không tham gia vào lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở có thời gian công tác từ đủ 05 năm đến dưới 15 năm không tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho thôi việc thì được hỗ trợ một lần. Mỗi năm công tác được hỗ trợ bằng 1.0 mức lương tối thiểu vùng.

c) Người không tham gia vào lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở có thời gian công tác từ đủ 15 năm trở lên mà không tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho thôi việc

thì được hỗ trợ một lần. Mỗi năm công tác được hỗ trợ bằng 1.5 mức lương tối thiểu vùng.

d) Thời gian công tác để tính hỗ trợ thôi việc được tính theo năm (đủ 12 tháng); trường hợp có tháng lẻ được tính tròn theo nguyên tắc từ đủ 01 tháng đến dưới 06 tháng được tính bằng 1/2 năm, trên 06 tháng được tính bằng 01 năm công tác.

2. Đối với người tiếp tục tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được hỗ trợ khi thôi việc theo quy định chi tiết tại khoản 1 điều này. Thời gian công tác được tính chuyển tiếp từ khi tham gia lực lượng Công an viên thường trực ở xã và Công an viên ở thôn, ấp; Bảo vệ dân phố; Đội trưởng và Đội phó Đội dân phòng.

3. Quy định này không áp dụng đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bị kỷ luật buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 9. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện được bảo đảm từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương hiện hành./.

